

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đã được giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ Giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
I	Số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí	987.000.000	18.000.000	1.005.000.000
1.1	Lệ phí	711.000.000	8.000.000	719.000.000
	Lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản	711.000.000	8.000.000	719.000.000
1.2	Phí	276.000.000	10.000.000	286.000.000
	Các loại phí khai thác, sử dụng nguồn nước	76.000.000	0	76.000.000
	Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	200.000.000	10.000.000	210.000.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại (kể cả tiết kiệm 40% để tạo nguồn cải cách tiền lương)	216.000.000	7.000.000	223.000.000
2.1	Chi quản lý hành chính	216.000.000	7.000.000	223.000.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	216.000.000	7.000.000	223.000.000
	-Các loại phí khai thác, sử dụng nguồn nước	76.000.000	0	76.000.000
	- Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	140.000.000	7.000.000	147.000.000
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	771.000.000	11.000.000	782.000.000
3.1	Lệ phí	711.000.000	8.000.000	719.000.000
	Lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản	711.000.000	8.000.000	719.000.000
3.2	Phí	60.000.000	3.000.000	63.000.000
	Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	60.000.000	3.000.000	63.000.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	244.000.000	-145.900.000	98.100.000
1	Chi quản lý hành chính (340-341)	244.000.000	-145.900.000	98.100.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	244.000.000	-145.900.000	98.100.000
-	Kinh phí Hội đồng thăm định khoáng sản	74.000.000	1.700.000	75.700.000
-	Kinh phí tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản	170.000.000	-147.600.000	22.400.000